

Số -KH/BCĐ

Bảo Yên, ngày tháng 02 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**chuyển đổi số huyện Bảo Yên năm 2024**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Đề án số 08-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025;

Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 17/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt chương trình Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 443/KH-UBND ngày 28/12/2024 của UBND tỉnh Lào Cai về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai năm 2024.

Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 03/08/2022 đưa sản phẩm hàng hóa của tỉnh Lào Cai lên sàn thương mại điện tử giai đoạn 2022 - 2025 và năm 2022; Kế hoạch số 373/KH-UBND ngày 11/11/2022 hỗ trợ chuyển đổi số Hợp tác xã, Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022 - 2025

Kế hoạch số 316/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Bảo Yên về Kế hoạch Chuyển đổi số huyện Bảo Yên, giai đoạn 2022-2025.

Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện Bảo Yên xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số và cải thiện chỉ số chuyển đổi số (DTI) năm 2024 với các nội dung sau:

**II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

Nhằm cụ thể hóa việc triển khai thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 17/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai và Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 Triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện thứ hạng của chỉ số chuyển đổi số (DTI) năm 2024 của huyện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

**2. Yêu cầu**

- Xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc triển khai thực hiện Chuyển đổi số; gắn nhiệm vụ triển khai Chương trình Chuyển đổi số với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và quá trình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện năm 2024.

- Lựa chọn các mục tiêu, nhiệm vụ có trọng điểm, trọng tâm, phù hợp với điều kiện thực tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo tính khoa học, đồng bộ, hiệu quả; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo, gắn với việc kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ, chất lượng đối với việc thực hiện các nhiệm vụ của các đề án; phân công rõ trách nhiệm cho cơ quan chủ trì và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan.

- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị: UBND các xã, thị trấn: các cơ quan của tỉnh trên địa bàn, doanh nghiệp phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; tập trung thực hiện các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

### III. MỤC TIÊU

Xác định dữ liệu vẫn là trọng tâm của Chuyển đổi số năm 2024; để kế tiếp các nhiệm vụ và kết quả đã đạt được năm 2023, đồng thời khai thác, sử dụng dữ liệu có hiệu quả, với chủ đề Chuyển đổi số năm 2024 với Chủ đề: “*Nền tảng- Dữ liệu- Kết nối - Chia sẻ*” với các mục tiêu chủ yếu sau:

TT	MỤC TIÊU	HIỆN TRẠNG	KH HUYỆN GIAO NĂM 2024	KH TỈNH GIAO NĂM 2024	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
<b>I</b>	<b>CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN</b>					
1	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp huyện được xử lý trên môi trường mạng	95%	97%	95%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn
2	Báo cáo định kỳ phục vụ sự chỉ đạo (theo quy định của UBND tỉnh về chế độ BC) được tự động tổng hợp trên hệ thống báo cáo của tỉnh (theo QĐ 44)		80%	80%	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị, địa phương

TT	MỤC TIÊU	HIỆN TRẠNG	KH HUYỆN GIAO NĂM 2024	KH TỈNH GIAO NĂM 2024	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
3	Báo cáo được các cơ quan, đơn vị trực thuộc nhập dữ liệu phục vụ báo cáo định kỳ phục vụ sự chỉ đạo <i>(theo quy định của UBND tỉnh về chế độ báo cáo)</i>		80%	80%	Các phòng ban chuyên môn; ĐVSN; UBND các xã, thị trấn	Sở TT&TT
4	Tỷ lệ các hệ thống thông tin được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin		100%	100%	Phòng Văn hoá và TT	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn
5	Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang	64%	70%	65%	UBND các xã, thị trấn	Các doanh nghiệp viễn thông, Sở TT&TT
6	Tỷ lệ người dân trưởng thành có điện thoại thông minh.	55%	60%	55%	UBND các xã, thị trấn	Phòng VHHT
7	Tỷ lệ tài khoản thanh toán điện tử của cá nhân trên dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử (bao gồm cả dịch vụ mobile money)	90%	95%	95%	UBND các xã, thị trấn	Ngân hàng nhà nước tỉnh
8	Chuyển đổi số cho người dân					
-	Tỷ lệ người dân có phần mềm bảo vệ cơ bản	20%	50%	50%	Phòng Văn hoá và TT	UBND các xã, thị trấn
-	Tỷ lệ người dân có kỹ năng,	20%		35%	Phòng Văn	Sở

<b>TT</b>	<b>MỤC TIÊU</b>	<b>HIỆN TRẠNG</b>	<b>KH HUYỆN GIAO NĂM 2024</b>	<b>KH TỈNH GIAO NĂM 2024</b>	<b>CƠ QUAN CHỦ TRÌ</b>	<b>CƠ QUAN PHỐI HỢP</b>
	kiến thức cơ bản về ATTT để tự bảo vệ mình và người thân		35%		hoá và TT	TT&TT
-	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	91%	95%	95%	Trung tâm Y tế huyện	UBND các xã, thị trấn
-	Tỷ lệ người dân có định danh điện tử mức độ 2	51%	65%	80%	Công an huyện	UBND các xã, thị trấn
-	Tỷ lệ người dân có chữ ký số		Theo thực tế	5%	UBND cấp huyện;	UBND các xã, thị trấn
-	Tỷ lệ người dân có tài khoản dịch vụ công trực tuyến		80%	80%	Văn phòng HĐND và UBND huyện; Phòng Văn hoá TT	UBND các xã, thị trấn
9	Tỷ lệ học sinh, sinh viên có học bạ điện tử	100%	100%	100%	Phòng GDĐT	UBND các xã, thị trấn
10	Tỷ lệ Trường học, bệnh viện cung cấp dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt	61% trường học; 100% bệnh viện	100%	100%	Phòng Giáo dục và ĐT; Trung tâm Y tế huyện	Sở GD&ĐT; Sở Y tế
11	Số lượng sản phẩm OCOP, đặc trưng, đặc hữu của tỉnh thực hiện (giao dịch) thành công trên các sàn thương mại điện tử		10 nghìn giao dịch	10 nghìn giao dịch	Phòng Kinh tế Hạ tầng; Phòng Nông nghiệp	Sở Công Thương; Các DN; Sở NN&PTNT

TT	MỤC TIÊU	HIỆN TRẠNG	KH HUYỆN GIAO NĂM 2024	KH TỈNH GIAO NĂM 2024	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
12	Tổng doanh thu của các hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai từ các sản TMĐT		01 tỉ đồng	01 tỷ đồng	Phòng Kinh tế Hạ tầng; Phòng Nông nghiệp PTNT	Các doanh nghiệp; Các sản TMĐT
13	Hạ tầng dịch vụ các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh chuyển đổi sang địa chỉ IPV6		70%	70%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng ban CM, ĐVSN; UBND các xã, tt
14	Tỷ lệ công chức cấp huyện được tập huấn, đào tạo, kỹ năng số cơ bản	50%	90%	90%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Huyện Đoàn, UBND các xã, thị trấn
15	Thực hiện thí điểm 01 xã/thị trấn Chuyển đổi số để làm điểm, sau đó nhân rộng cho các xã.	Năm 2023 (tỉnh triển khai Mô hình điểm xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng	01 xã (Dự kiến xã Bảo Hà hoặc TT Phố Ràng)	9 xã toàn tỉnh	Phòng Văn hoá và TT;	UBND xã được lựa chọn; phòng Nông nghiệp PTNT, phòng KHT, TCKH.

**Nhiệm vụ cụ thể: ( Phụ lục 01, phụ lục 02 kèm theo)**

#### **IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẢI THIỆN CHỈ SỐ DTI**

##### **1. Phát triển nền tảng số**

##### **1.1. Chuyển đổi nhận thức:**

*1.1.1. Phổ biến nội dung dung kế hoạch Chuyển đổi số của huyện đến cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, và người dân*

- Thời gian thực hiện: Quý I/2024.
- Đơn vị chủ trì: Phòng Văn hoá và Thông tin; Trung tâm VH,TT-TT.
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

*1.1.2. Tổ chức hướng dẫn, triển khai đào tạo tập huấn sử dụng các nền tảng số cơ bản dành cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện*

- Thời gian thực hiện: Quý II, III /2024.
- Đơn vị chủ trì: Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
- Đơn vị phối hợp: Phòng Văn hoá và Thông tin.

*1.1.3. Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng đảm bảo 40% người dân trên địa bàn huyện được phổ cập kỹ năng số cho người dân*

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.
- Đơn vị chủ trì: Huyện đoàn, Phòng Văn hoá và Thông tin
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

*1.1.4. Tiếp tục duy trì phát triển và xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện Chuyển đổi số của huyện trên các phương tiện thông tin truyền thông (Báo chí, Cổng thông tin điện tử, các fange...)*

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.
- Đơn vị chủ trì: Phòng Văn hoá và Thông tin; Trung tâm VH,TT-TT.
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

*1.1.5. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà - MOOCs (Nền tảng OneTouch)*

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.
- Đơn vị chủ trì: Phòng Văn hoá và Thông tin
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

*1.1.6. Chuyển đổi nhận thức vai trò người đứng đầu trong việc chỉ đạo, điều hành hoạt động của cơ quan, đơn vị theo phương châm “4 không, 1 có”: Làm việc không giấy tờ, hội họp không tập trung; dịch vụ công không gặp mặt; thanh toán không dùng tiền mặt, dữ liệu có số hoá*

- Thời gian thực hiện: Quý I,II/2024.
- Đơn vị chủ trì: Phòng Văn hoá và Thông tin, Văn phòng HĐND và UBND huyện.
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

## **1.2. Kiến tạo thể chế**

*1.2.1. Hoàn thiện, ban hành các văn bản phục vụ hoạt động Chuyển đổi số trên địa bàn: Rà soát ban hành văn bản đảm bảo cho hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn*

- Thời gian thực hiện: Quý I/2024.
- Đơn vị chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin.
- Đơn vị phối hợp: Văn phòng HĐND và UBND huyện, các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

*1.2.2. Xây dựng kế hoạch Chuyển đổi số và cải thiện chỉ số DTI hàng năm thực hiện Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Chủ trì thực hiện: Phòng Văn hoá và Thông tin ; thời gian: tháng 12/2024*

- Thời gian thực hiện: Tháng 12 năm 2024.
- Đơn vị chủ trì: Phòng Văn hoá và Thông tin
- Đơn vị phối hợp: Phòng Tài chính Kế hoạch, Các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn, các Doanh nghiệp trên địa bàn.

*1.2.3. Xây dựng phòng trào thi đua Sáng kiến về chuyển đổi số*

- Thời gian thực hiện: Quý I - IV/2024.
- Đơn vị chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin.
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn, các Doanh nghiệp trên địa bàn.

### **1.3. Phát triển hạ tầng số, nền tảng số**

*1.3.1. Tiếp tục triển khai hạ ngầm và gọn hóa hạ tầng Viễn thông trên địa bàn huyện*

- Thời gian thực hiện: Quý I, III/2024.
- Đơn vị chủ trì: Phòng Kinh tế Hạ tầng
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn; các doanh nghiệp viễn thông.

*1.3.2. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị cung cấp dịch viễn thông (VNPT; Viettel; Mobifone) ưu tiên nguồn lực, thống nhất lộ trình đầu tư để đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng viễn thông trên địa bàn huyện, đặc biệt là đối với 02 thôn chưa có sóng di động ( Bản Bó xã Phúc Khánh, bản Nà Pung xã Tân Tiến) và 09 thôn, bản vùng lõm sóng yếu tại các xã Tân Tiến, Xuân Hoà, Phúc Khánh); đối với 05 thôn (Cán Chải, Nậm Bết xã Tân Tiến; Vài Siêu 6 xã Thượng Hà; Bản Bó xã Phúc Khánh; thôn Kim Quang xã Kim Sơn) chưa có cáp quang internet cố định đến thôn bản*

- Thời gian thực hiện: Năm 2024.
- Đơn vị chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin, Các doanh nghiệp Viễn thông.
- Đơn vị phối hợp: UBND các xã, thị trấn.

*1.3.3. Rà soát đầu tư trang thiết bị CNTT, các phương tiện khoa học kỹ thuật để nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện, xã; đáp ứng yêu cầu mức độ sẵn sàng ứng dụng CNTT theo quy định của tỉnh; đáp*

*ứng yêu cầu chuyển đổi số trong các cấp, các ngành*

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.
- Đơn vị chủ trì: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Tài chính-KH
- Đơn vị phối hợp: các cơ quan đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

*1.3.4. Thực hiện chuyển đổi Ipv6 trên địa bàn huyện*

- Thời gian thực hiện: Năm 2024.
- Đơn vị chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin
- Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp viễn thông CNTT.

#### **1.4. Phát triển chính quyền số**

*1.4.1. Triển khai các ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành điện tử, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy, ứng dụng phát triển giao dịch điện tử, xác thực điện tử, văn phòng điện tử như quản lý văn bản, tài liệu điện tử, tài liệu họp, phòng họp trực tuyến, quản lý kế hoạch và theo dõi công việc qua mạng, ... để đổi mới phương thức làm việc truyền thống sang môi trường trực tuyến sử dụng nền tảng số*

- Nội dung: Tổng số văn bản điện tử được xử lý và thực hiện ký số hoàn toàn trên môi trường mạng đạt từ 95% trở lên; Thực hiện các nhiệm vụ theo các kế hoạch đã giao của UBND tỉnh, của UBND huyện đã ban hành; Tiếp tục triển khai Hệ thống thông tin họp và xử lý công việc của UBND huyện (phòng họp không giấy tờ).

- Thời gian thực hiện: Năm 2024.
- Đơn vị chủ trì: Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
- Đơn vị phối hợp: Phòng Văn hóa và TT, Văn phòng HĐND và UBND huyện.

*1.4.2. Nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến (DVCTT): Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, cung cấp dịch vụ công, tăng cường phát triển dịch vụ công trực tuyến mức độ 4*

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.
- Đơn vị chủ trì: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng VH&TT
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

*1.4.3. Rà soát tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, Chuẩn hóa, số hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính cấp xã, cấp huyện*

- Thời gian thực hiện: Quý I,II/2024.
- Đơn vị chủ trì: Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
- Đơn vị phối hợp: Phòng Nội vụ; các cơ quan, đơn vị liên quan.

*1.4.4. Thường xuyên tuyên truyền khuyến khích người dân sử dụng App Lào*



### *Cai số trên nền tảng Zalo*

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.
- Đơn vị chủ trì: Phòng VH&TT; Trung tâm VH, TT-TT.
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

*1.4.5. Triển khai Hệ thống thông tin báo cáo; từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ ra quyết định*

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.
- Đơn vị chủ trì: Văn phòng HĐND và UBND huyện, VP Huyện uỷ.
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

*1.4.6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên địa bàn huyện, thực hiện giám sát và kết nối với hệ thống trung tâm xử lý, giám sát an toàn thông tin (SOC) của tỉnh và thực hiện các giải pháp nâng cao an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ, bảo vệ dữ liệu của các cơ quan trong hệ thống chính trị, dữ liệu cá nhân theo quy định, kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia, an toàn thông tin*

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.
- Đơn vị chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

### **1.5. Phát triển kinh tế số, xã hội số:**

*1.5.1. Triển khai Đề án 06 trên địa bàn huyện (nhiệm vụ chi tiết theo kế hoạch riêng)*

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.
- Đơn vị chủ trì: Công an huyện
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

*1.5.2. Chuyển đổi số toàn diện cho chợ Vĩnh Yên, chợ xã Nghĩa Đô gắn với xây dựng chợ văn minh*

- Thời gian thực hiện: Quý II,III/2024.
- Đơn vị chủ trì: phòng Kinh tế và Hạ tầng (Phòng KTHT có KH riêng)
- Đơn vị phối hợp: Phòng VH&TT, Huyện Đoàn, UBND xã Vĩnh Yên; UBND xã Nghĩa Đô.

*1.5.3. Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh tham gia Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số*

- Thời gian thực hiện: Quý II,III/2024.
- Đơn vị chủ trì: Phòng Tài chính KH, Phòng Kinh tế-HT.

- Đơn vị phối hợp: Phòng Văn hoá và TT; Các cơ quan, đơn vị liên quan; Các doanh nghiệp trên địa bàn.

*1.5.4. Phối hợp tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại điện tử đa dạng để tạo sức lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp; tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các doanh nghiệp sản xuất theo từng ngành hàng để tạo thêm các chuỗi liên kết mới; hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử dành cho hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa*

- Thời gian thực hiện: Năm 2024.

- Đơn vị chủ trì: Phòng Kinh tế-HT.

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị; Các doanh nghiệp trên địa bàn.

*1.5.5. Thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) trên địa bàn để chuyển đổi số. Trong đó, các doanh nghiệp tham gia được dùng thử nghiệm nền tảng số xuất sắc miễn phí từ 06 tháng - 1 năm (các nền tảng số xuất sắc được giới thiệu, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử, tại địa chỉ: smedx.vn)*

- Thời gian thực hiện: Năm 2024.

- Đơn vị chủ trì: Phòng Tài chính KH, Phòng Kinh tế-HT.

- Đơn vị phối hợp: Phòng VH TT; Các cơ quan, đơn vị; Các doanh nghiệp trên địa bàn.

*1.5.6. Thúc đẩy phát triển không dùng tiền mặt trên địa bàn huyện. Trước tiên là nêu cao tinh thần, trách nhiệm, gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước. Xây dựng các chương trình khuyến khích ứng dụng trong xã hội*

- Thời gian thực hiện: Năm 2024.

- Đơn vị chủ trì: Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

- Đơn vị phối hợp: Phòng Tài chính - Kế hoạch, các đơn vị liên quan.

*1.5.7. Phát triển hệ thống truyền thanh cơ sở: nâng cấp, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật hệ thống truyền thanh cơ sở cấp huyện, cấp xã; Triển khai hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng CNTT - viễn thông, chuyển đổi số hệ thống truyền thanh cơ sở đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn thông tin theo quy định tại những địa phương đảm bảo điều kiện hạ tầng, nhân lực vận hành. Đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ vận hành trạm truyền thanh cấp xã và cụm loa truyền thanh thôn, tổ dân phố*

- Thời gian thực hiện: Quý I - IV năm 2024.

- Đơn vị chủ trì: Phòng VH TT, Trung tâm VH, TT-TT.

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn

**1.6. Triển khai ứng dụng CNTT, Chuyển đổi số bệnh viện đa khoa huyện theo Thông tư số 54/2017/TT-BYT của Bộ Y tế**

- Thời gian thực hiện: Năm 2024.

- Đơn vị chủ trì: Bệnh viện Đa khoa, Trung tâm Y tế huyện
- Đơn vị phối hợp: Trạm Y tế các xã, thị trấn; các cơ quan liên quan.

### ***1.7. Triển khai Chuyển đổi số khối Đảng - Đoàn thể (có kế hoạch riêng)***

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.
- Đơn vị chủ trì: Văn phòng Huyện uỷ.
- Đơn vị phối hợp: Các ban ngành đoàn thể khối Đảng - Đoàn thể.

### **1.8. Phân công nhiệm vụ Chuyển đổi số trọng điểm cho các cơ quan**

#### ***1.8.1. Phòng Văn hoá và Thông tin chủ trì***

- Chủ trì, tham mưu Tổ chức từ **04 Hội nghị** tập huấn phổ biến kiến thức kiến thức về chuyển đổi số cho cơ quan, đơn vị, tổ chức, người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện gồm các nội dung:

+ 01 Hội nghị tập huấn về Chuyển đổi số cho BCD Chuyển đổi số các xã, thị trấn.

+ 01 Hội nghị tập huấn về Chuyển đổi số cho Thành viên Tổ Công nghệ số Cộng đồng trên địa bàn các xã, thị trấn.

+ 01 Hội nghị tập huấn về Chuyển đổi số, CNTT cho cán bộ, công chức viên chức Tại Bộ phận Một cửa, một cửa Liên thông điện tử cấp huyện; cấp xã.

+ 01 Hội nghị tập huấn về Kỹ năng Quản trị, cập nhật Tin bài trên Cổng Thông tin điện tử các xã, thị trấn.

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2024.

#### ***1.8.2. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện***

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Văn hoá và Thông tin tham mưu tổ chức Hội nghị tập huấn phổ biến kiến thức cho các hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất tham gia tập huấn về kỹ năng số và hoạt động trên môi trường mạng; Hướng dẫn các Doanh nghiệp, HTX, hộ gia đình có sản phẩm OCOP được tạo gian hàng số và có tài khoản thanh toán điện tử; các kiến thức về Thương mại điện tử...

- Thời gian thực hiện: trong Quý II + III năm 2024.

#### ***1.8.3. Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì***

Chủ trì, tham mưu tổ chức **Hội nghị** tập huấn phổ biến kiến thức về chuyển đổi số cho các Hợp tác xã, Doanh nghiệp nhỏ và vừa; Đẩy mạnh tỉ lệ Hợp tác xã, Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn huyện ứng dụng các hình thức thương mại điện tử để kết nối, quảng bá, giới thiệu sản phẩm.

- Thời gian thực hiện: trong Quý II + III năm 2024.

#### ***1.8.4. Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì***

Chủ trì, tham mưu tổ chức **Hội nghị** tập huấn phổ biến kiến thức về chuyển đổi số trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo cho các đơn vị trường học trên địa bàn

huyện. Phần đầu từ 90% cán bộ quản lý, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; tăng cường bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng và phương pháp sư phạm số, kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu, năng lực phát triển học liệu số và công nghệ số.

*(Nhiệm vụ Chi tiết theo Phụ lục số 03 kèm theo)*

**V. KINH PHÍ THỰC HIỆN:** Kinh phí thực hiện từ ngân sách huyện và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Thành viên Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện:** Điều phối chung việc triển khai Chương trình, kế hoạch Chuyển đổi số của huyện theo chức năng, nhiệm vụ, địa bàn được phân công.

### **2. Phòng Văn hoá và Thông tin**

Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai của các cơ quan, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn; chủ động nắm bắt những khó khăn, vướng mắc và phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn đề xuất phương án giải quyết, báo cáo BCĐ Chuyển đổi số huyện xem xét, quyết định.

- Tham mưu cho UBND huyện triển khai cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh nhằm tạo hành lang pháp lý phát triển công nghệ thông tin - truyền thông, chính quyền điện tử, đô thị thông minh, chuyển đổi số.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các ứng dụng, phần mềm dùng chung đến các cấp, các ngành trên địa bàn huyện. Đánh giá hiệu quả các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin triển khai trên địa bàn huyện.

- Tổ chức hướng dẫn, triển khai đào tạo tập huấn sử dụng các nền tảng số cơ bản dành cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng đảm bảo 50% người dân trên địa bàn tỉnh được phổ cập kỹ năng số cho người dân như: (1) Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; (2) Mua sắm trực tuyến; (3) Thanh toán trực tuyến; (4) Tự bảo vệ mình trên không gian mạng; (5) ứng dụng Lào Cai số. Ngoài ra, trong năm 2024, cần hướng dẫn thêm kỹ năng số cơ bản khác trong: (1) Nông nghiệp, (2) Du lịch, (3) Y tế, (4) Giáo dục, ....

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân đặc biệt là học sinh, sinh viên và các hộ gia đình trên toàn huyện về chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin, dịch vụ công trực tuyến và sử dụng các ứng dụng phục vụ công dân của tỉnh.

- Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện chương trình tại các kỳ họp Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

**3. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy, Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH huyện:** Chủ trì, phối hợp với UBND huyện triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, Chuyển đổi số trong các cơ quan khối Đảng- Đoàn thể.

#### **4. Phòng Tài chính-Kế hoạch**

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh tham gia Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.
- Căn cứ vào khả năng ngân sách, tham mưu UBND huyện cân đối, lồng ghép các nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch này.

#### **5. Phòng Nội vụ**

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hoá và Thông tin triển khai đồng bộ chương trình, kế hoạch cải cách hành chính trong các cơ quan nhà nước của huyện.
- Tham mưu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ về công nghệ thông tin để tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền từ huyện đến cơ sở trong việc thực hiện chuyển đổi số.
- Ưu tiên bố trí biên chế công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu thực tế, chỉ tiêu đào tạo chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, đào tạo về chuyển đổi số cho lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức; đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin, an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách phụ trách công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước.

#### **6. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn**

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chi tiết đã giao tại Kế hoạch này và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện, về kết quả thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý.
- Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai phù hợp các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

**7. Các doanh nghiệp nhà nước, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước và các Ngân hàng TMCP trên địa bàn huyện:** Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong tổ chức, doanh nghiệp. Phối hợp với các ngành, UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh thanh toán điện tử. Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn huyện phát triển thương mại điện tử.

#### **8. Trung tâm Văn hoá, Thể thao - Truyền thông; Cổng Thông tin điện tử huyện, Trang thông tin điện tử các xã, thị trấn**

- Nâng cao chất lượng chuyên mục Chuyển đổi số. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, quảng bá, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, lợi ích của việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ chính quyền số, đô thị thông minh, chuyển đổi số trên địa bàn huyện, góp phần thúc đẩy sự tham gia doanh nghiệp, của người dân vào quá trình chuyển đổi số, nâng cao sự hài lòng, tạo niềm tin cho nhân dân.
- Nắm bắt nhu cầu, ý kiến ban đọc, khán, thính giả để có sự kết nối, làm cơ sở đổi mới nội dung, cải tiến cách thể hiện và bố trí khung giờ phù hợp trong nhiệm

vụ tuyên truyền về chuyển đổi số. Gắn kết thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ về đăng tải thông tin trên môi trường mạng và yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động của cổng thông tin điện tử thành phần.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị-xã hội; UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện. Định kỳ hằng tháng, quý, năm gửi báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện về Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện (qua phòng Văn hoá và Thông tin) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Sở Thông tin và Truyền thông,
- TT. HU, HĐND, UBND huyện,
- BCĐ chuyển đổi số huyện,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện uỷ,
- UBMTTQ, các đoàn thể chính trị-xã hội,
- Các cơ quan, đơn vị,
- Các DN Viễn thông,
- Đảng uỷ, HĐND, UBND các xã, thị trấn,
- Lưu Văn phòng HU + BCĐ

**BÍ THƯ**  
kiêm  
**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO**

**Nguyễn Anh Chuyên**

**Phụ lục 01a****Chỉ tiêu thực hiện Các nhiệm vụ Chuyển đổi số đối với UBND các xã, thị trấn năm 2024**

( Kèm theo Kế hoạch số -KH/BCĐ ngày 28/12/2023 của BCĐ Chuyển đổi số huyện Bảo Yên)

1. Ban chỉ đạo Chuyển đổi số cấp xã, trong năm họp từ 3 lần trở lên.
2. Thành lập 100 % Tổ công nghệ số Cộng đồng tại các Thôn, bản, TDP
3. Trang Thông tin điện tử của xã được cập nhật đầy đủ thông tin theo theo Quyết định số 4526/QĐ-HĐBT của HĐBT tỉnh Lào Cai, Có Chuyên mục Chuyển đổi số, có ít nhất 20 tin bài trở lên.
4. Hệ thống truyền thanh cơ sở Có chuyên mục Chuyển đổi số. Tần suất phát sóng 01 lần /tuần.
5. Ban hành Nghị quyết Chuyên đề hoặc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trong năm.
6. 100 % Cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính làm việc; có kết nối Internet.
7. Số thuê bao di động/100 dân đạt từ 70% trở lên
8. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet cáp quang băng rộng từ 70 % trở lên.
9. Xã có Camera giám sát phục vụ mục đích công cộng có kết nối tập trung (số lượng camera giám sát được kết nối tập chung được tính bằng tổng số camera giám sát trên địa bàn được đầu tư bằng các nguồn được kết nối đến trung tâm giám sát của địa phương.)
10. Bố trí từ 01 Cán bộ, công chức trở lên được giao nhiệm vụ kiêm nhiệm/ Chuyên trách thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số tại địa phương.
11. Tối thiểu 60 % cán bộ, công chức, viên chức được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên các Nền tảng Khóa học trực tuyến mở đại trà (Nền tảng MOOCs).
12. Tổ chức 03 hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về Chuyển đổi số trở lên.
13. Tỷ lệ DVCTT (toàn trình và một phần) có phát sinh hồ sơ trực tuyến từ 60 % trở lên.
14. Tỷ lệ Văn bản điện tử được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng Internet (Thực hiện ký số văn bản trên phần mềm VNPT - iOffice ) từ 96% trở lên.
15. Tỷ lệ người dân kích hoạt và cài đặt mã định danh điện tử VniED từ 70% trở lên
16. Tỷ lệ người dân cài đặt VSSID ( phần mềm Bảo hiểm xã hội) từ 50% trở lên.
17. Tỷ lệ người dân có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác từ 50% trở lên.
18. Tỷ lệ dân số dùng Dịch vụ công trực tuyến từ 30 % trở lên.





**Phụ lục 01b****Chỉ tiêu thực hiện kích hoạt tài khoản định danh điện tử (VNeID mức độ 2)****phục vụ Chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn huyện Bảo Yên năm 2024**

(Kèm theo Kế hoạch số -KH/BCĐ ngày 28/12/2023 của BCĐ chuyển đổi số huyện Bảo Yên)

STT	Đơn vị	Thực hiện 2023		Mục tiêu 2024		Mục tiêu 2025		Ghi chú
		Thu nhập %	Kích hoạt %	Thu nhập %/TK	Kích hoạt %/TK	Thu nhập %/TK	Kích hoạt %/TK	
1	TT. Phố Ràng	<b>77</b> 5800/7500	<b>72</b> 5400/7500	<b>79</b> (150)	<b>77</b> (150)	<b>81</b> (150)	<b>79</b> (150)	
2	xã Lương Sơn	<b>61</b> 1500/2500	<b>54</b> 1300/2500	<b>66</b> (120)	<b>59</b> (120)	<b>71</b> (120)	<b>64</b> (120)	
3	xã Tân Tiến	<b>56</b> 1000/1800	<b>50</b> 900/1800	<b>60</b> (80)	<b>55</b> (80)	<b>65</b> (80)	<b>55</b> (80)	
4	xã Bảo Hà	<b>53</b> 4300/8100	<b>46</b> 3800/8100	<b>60</b> (250)	<b>53</b> (250)	<b>65</b> (180)	<b>58</b> (180)	
5	xã Yên Sơn	<b>74</b> 1500/2000	<b>70</b> 1400/2000	<b>78</b> (80)	<b>75</b> (80)	<b>81</b> (80)	<b>78</b> (80)	
6	xã Kim Sơn	<b>55</b> 3300/6000	<b>48</b> 2900/6000	<b>61</b> (200)	<b>54</b> (200)	<b>65</b> (180)	<b>60</b> (180)	
7	xã Xuân Hòa	<b>51</b> 3300/6500	<b>43</b> 2800/6500	<b>58</b> (200)	<b>50</b> (200)	<b>63</b> (180)	<b>55</b> (180)	
8	xã Phúc Khánh	<b>70</b> 3000/4300	<b>62</b> 2700/4300	<b>73</b> (130)	<b>67</b> (130)	<b>76</b> (100)	<b>70</b> (100)	
9	xã Xuân Thượng	<b>54</b> 1900/3500	<b>45</b> 1600/3500	<b>60</b> (170)	<b>52</b> (170)	<b>65</b> (140)	<b>57</b> (140)	
10	xã Điện	<b>58</b>	<b>50</b>	<b>64</b>	<b>57</b>	<b>69</b>	<b>62</b>	

STT	Đơn vị	Thực hiện 2023		Mục tiêu 2024		Mục tiêu 2025		Ghi chú
		Thu nhập %	Kích hoạt %	Thu nhập %/TK	Kích hoạt %/TK	Thu nhập %/TK	Kích hoạt %/TK	
	Quan	1900/3200	1600/3200	(150)	(150)	(110)	(110)	
11	xã Tân Dương	<b>68</b> 1800/2700	<b>61</b> 1600/2700	<b>73</b> (100)	<b>66</b> (100)	76 (80)	<b>69</b> (80)	
12	xã Vĩnh Yên	<b>61</b> 2300/3800	<b>53</b> 2000/3800	<b>68</b> (150)	<b>60</b> (150)	70 (100)	<b>63</b> (100)	
13	xã Minh Tân	<b>57</b> 1200/2200	<b>49</b> 1000/2200	<b>65</b> (130)	<b>57</b> (130)	<b>70</b> (110)	<b>62</b> (110)	
14	xã Việt Tiến	<b>59</b> 1200/2100	<b>51</b> 1000/2100	<b>65</b> (130)	<b>59</b> (120)	70 (110)	<b>64</b> (110)	
15	xã Thượng Hà	<b>58</b> 2700/4600	<b>50</b> 2300/4600	<b>65</b> (180)	<b>59</b> (180)	70 (150)	<b>64</b> (150)	
16	xã Nghĩa Đô	<b>47</b> 2000/4400	<b>39</b> 1700/4400	<b>55</b> (230)	<b>50</b> (230)	<b>60</b> (180)	<b>55</b> (180)	
17	xã Cam Cồn	<b>52</b> 2200/4200	<b>43</b> 1800/4200	<b>60</b> (200)	<b>55</b> (200)	<b>65</b> (170)	<b>60</b> (170)	
<b>Tổng toàn huyện</b>		<b>60%</b>	<b>52%</b>	<b>65%</b>	<b>60%</b>	<b>70%</b>	<b>65%</b>	

**DANH MỤC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẢO YÊN NĂM 2024***(Kèm theo Kế hoạch số -KH/BCĐ ngày /02/2024 của BCĐ chuyển đổi số huyện Bảo Yên)*

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ/mục tiêu chi tiết	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số</b>				
<b>1</b>	<b>Chuyển đổi nhận thức</b>				
1.1	Phổ biến nội dung kế hoạch Chuyển đổi số của huyện đến tới cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, học sinh và người dân trên địa bàn.		Phòng VH TT, Trung tâm VH, TT-TT	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, Thị trấn	Quý I/2024
1.2	Tổ chức Hội nghị tập huấn phổ biến kiến thức kiến thức về chuyển đổi số cho cơ quan, đơn vị, tổ chức, người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng VH TT tổ chức Hội nghị CDS cho UBND các xã, Các Tổ CNS Cộng đồng tại các xã, thị trấn.</li> <li>- Phòng GDĐT tổ chức 01 Hội nghị CDS ngành Giáo dục và Đào tạo.</li> <li>- Trung tâm Y tế huyện tổ chức 01 Hội nghị Chuyển đổi số ngành Y</li> </ul>	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn, các doanh nghiệp	Phòng VH TT, Trung tâm VH, TT-TT	Quý II, III/2024

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ/mục tiêu chi tiết	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
		tế - Phòng Nông nghiệp tổ chức 01 Hội nghị CDS lĩnh vực Nông nghiệp.			
1.3	Xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của huyện trên các phương tiện truyền thông (báo chí, công thông tin điện tử và bản tin của các cơ quan, đơn vị, địa phương,...).		Phòng Văn hoá và TT; Trung tâm VH, TT-TT	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Năm 2024
1.4	Phân công trách nhiệm cho người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn giao cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về Chuyển đổi số tại đơn vị	Hướng dẫn UBND các xã, thị trấn thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số cấp xã Phát động phong trào thi đua Chuyển đổi số gắn với CCHC	Phòng VH TT, Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Quý I/2024
1.5	Chuyển đổi nhận thức vai trò người đứng đầu trong việc chỉ đạo, điều hành hoạt động của cơ quan, đơn vị theo phương châm “ <b>4 không, 1 có</b> ”: Làm việc <b>không</b> giấy tờ, hội họp <b>không</b> tập trung; dịch vụ công <b>không</b>		Văn phòng HĐND&UBND huyện; Phòng VH TT, Trung tâm VH, TT-TT	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Năm 2024

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ/mục tiêu chi tiết	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	gặp mặt; thanh toán <b>không</b> dùng tiền mặt; Dữ liệu có số hoá				
<b>2</b>	<b>Kiến tạo thể chế</b>				
2.1	Hoàn thiện, ban hành các văn bản phục vụ hoạt động Chuyển đổi số trên địa bàn huyện.	Rà soát ban hành văn bản đảm bảo cho hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn.	Văn phòng HĐND&UBND huyện; Phòng VH TT	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Quý I
2.2	Đổi mới, ban hành các quy trình nghiệp vụ được số hóa và vận hành dựa trên dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo huyện	1. Số hóa các quy trình nghiệp vụ trong giải quyết thủ tục hành chính của huyện và các xã, TT 2. Đổi mới, ban hành các quy trình nghiệp vụ trong quản lý văn bản và điều hành, tác nghiệp dùng chung của huyện theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng	Văn phòng HĐND&UBND thị xã; phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Năm 2024

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ/mục tiêu chi tiết	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
2.3	Thực hiện đánh giá cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong thực hiện Chuyển đổi số.	1. Tham mưu ban chỉ đạo huyện chấm điểm, đánh giá kết quả chuyển đổi số hàng năm của huyện theo hướng dẫn của cấp trên	Phòng VHTT	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Quý IV hàng năm
		2. Thực hiện đánh giá người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong quá trình chuyển đổi số theo hướng dẫn	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Quý IV hàng năm
2.4	Xây dựng kế hoạch Chuyển đổi số và cải thiện chỉ số DTI hàng năm thực hiện Chuyển đổi số trên địa bàn huyện	1. Xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm của UBND huyện.	Phòng VHTT	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Tháng 12 Năm 2024
2.5	Xây dựng phòng trào thi đua Sáng kiến về chuyển đổi số	1. Sáng kiến mới để khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Văn phòng HĐND&UBND thị xã; phòng Nội vụ	Các cơ quan đơn vị liên quan, UBND	Quý I - IV

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ/mục tiêu chi tiết	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
		2. Sáng kiến mới để khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuyển đổi số	Phòng Kinh tế - HT, phòng Tài chính Kế hoạch, phòng VHHT, phòng Nội vụ	các xã, thị trấn, các Doanh nghiệp trên địa bàn.	
3	<b>Phát triển hạ tầng số</b>				
3.1	<b>Hạ tầng xã hội số</b>				
3.1.1	Tiếp tục triển khai hạ ngầm và gọn hóa hạ tầng viễn thông trên địa bàn huyện.		Phòng Kinh tế - HT, Các đơn vị cung cấp viễn thông	Các cơ quan đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn,	Quý II, III/2024
3.1.2	Hạ tầng mạng băng thông rộng, cáp quang phủ 100% đơn vị hành chính cấp xã, 70 % hộ gia đình.		Các doanh nghiệp viễn thông	Các cơ quan đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn,	Năm 2024

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ/mục tiêu chi tiết	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
3.1.3	Triển khai phát triển dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.	<p>1. Rà soát cải thiện chất lượng mạng 3G/4G tại các vùng lõm, hướng tới mục tiêu 100% người dân trên địa bàn có thể truy cập, sử dụng mạng di động 3G/4G</p> <p>2. Phủ sóng mạng di động 5G tại các xã, thị trấn trung tâm có phát triển du lịch.</p>	Phòng VH TT, Các doanh nghiệp viễn thông	Các cơ quan đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn, Các doanh nghiệp.	Năm 2024
3.1.4	Ứng dụng Chuyển đổi số trong đời sống của nhân dân	<p>3. Phân đấu Tỷ lệ người dân trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 70%</p> <p>1. Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử đạt 70%.</p>	<p>Các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn</p> <p>Các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn.</p>	<p>Các doanh nghiệp, doanh nghiệp viễn thông.</p> <p>Các doanh nghiệp viễn thông, các ngân hàng trên địa bàn huyện</p>	<p>Năm 2024</p> <p>Năm 2024</p>
3.1.5	Nâng cao chất lượng Công TTĐT các xã, thị trấn	Phòng VH TT tổ chức 01 lớp tập huấn Quản trị Công TTĐT cho CB quản trị các xã, thị trấn	Phòng VH TT	UBND các xã, thị trấn;	Năm 2024



STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ/mục tiêu chi tiết	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
3.2	<i>Hạ tầng Số chính quyền, CQNN</i>				
3.2.1	Phát triển hạ tầng CNTT toàn diện cho UBND huyện.	1. Rà soát thay thế máy tính, máy in, máy chiếu, các thiết bị đầu cuối đã hư hỏng cho CBCC tại CQNN của huyện	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2024
		2. Triển khai nâng cấp hạ tầng mạng LAN đạt chuẩn cho UBND các xã, thị trấn	Sở TTTT	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Năm 2024
3.2.2	Thực hiện chuyển đổi Ipv6 trên địa bàn huyện		Phòng VHTT	Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp viễn thông	Năm 2024
3.2.3	Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng	1. Kết nối UBND huyện với Trung tâm dữ liệu của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; Phòng VHTT	Văn phòng HĐND&UBND huyện và các cơ	Năm 2024

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ/mục tiêu chi tiết	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
		2. Kết nối UBND các xã, thị trấn với Trung tâm dữ liệu của tỉnh		quan, đơn vị có liên quan	
3.2.4	Duy trì các thiết bị đầu cuối đảm bảo triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT, Chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn; trong toàn hệ thống chính trị của huyện		Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2024
3.2.5	Rà soát nâng cấp hệ thống họp trực tuyến từ cấp huyện đến cấp cơ sở	Đầu tư nâng cấp từ 05 bộ thiết bị giao ban cho các xã	Phòng Văn hoá và Thông tin	UBND các xã, thị trấn	Năm 2024
<b>4</b>	<b>Phát triển nhân lực số</b>				
4.1	Phổ cập các kiến thức về chuyển đổi số tới nhân dân và cán bộ cấp xã, thị trấn trên địa bàn huyện.	1. Đào tạo tập huấn phổ cập kiến thức về chuyển đổi số cho Tổ công nghệ số cộng đồng của các thôn bản, tổ dân phố, các xã thị trấn	Phòng VH TT	UBND các xã, thị trấn, các doanh nghiệp viễn thông	Năm 2024

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ/mục tiêu chi tiết	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
		2. Phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân trên nền tảng OneTouch	Theo Hướng dẫn Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Năm 2024
		3. Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về chuyển đổi số cho công chức, viên chức	Phòng VH TT	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Năm 2024
4.2	Phân công cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số trong các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn	1. Các cơ quan đơn vị, UBND các xã thị trấn phân công tối thiểu 01 cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số.	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý I/2024
<b>5</b>	<b>Đảm bảo an toàn, an ninh mạng</b>				
5.1	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên địa bàn huyện, thực hiện giám sát và kết nối với hệ thống trung tâm xử lý, giám sát an toàn thông tin (SOC) của tỉnh và thực hiện các giải pháp nâng cao an toàn thông tin, an	1. Tổ chức tuyên truyền đảm bảo an toàn thông tin cho CQNN, người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện.	Phòng VH TT	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Năm 2024

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ/mục tiêu chi tiết	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	<p>ninh mạng theo cấp độ, bảo vệ dữ liệu của các cơ quan trong hệ thống chính trị, dữ liệu cá nhân theo quy định, kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia, an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp.</p>	<p>2. Trình phê duyệt cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh.</p> <p>3. Thực hiện duy trì kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống trung tâm xử lý, giám sát an toàn thông tin (SOC) của tỉnh.</p> <p>4. Triển khai có hiệu quả mô hình đảm bảo an toàn thông tin 4 lớp trên địa bàn huyện</p> <p>5. Triển khai giải pháp tập chung, kết nối với Hệ thống giám sát ATTT của tỉnh giúp phòng, chống mã độc tại các cơ quan đơn vị, UBND các xã thị trấn.</p>	Phòng VHTT	Văn phòng HĐND&UBND huyện, UBND các xã, thị trấn	Năm 2024
			Phòng VHTT	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Năm 2024
6	<b>Xây dựng Chính quyền số</b>				

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ/mục tiêu chi tiết	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
6.1	Triển khai các ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành điện tử, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy, ứng dụng phát triển giao dịch điện tử, xác thực điện tử, văn phòng điện tử như quản lý văn bản, tài liệu điện tử, tài liệu họp, phòng họp trực tuyến, quản lý kế hoạch và theo dõi công việc qua mạng,... để đổi mới phương thức làm việc truyền thống sang môi trường trực tuyến sử dụng nền tảng số.	<p>1. Tổng số văn bản điện tử được xử lý và thực hiện ký số hoàn toàn trên môi trường mạng từ 95% trở lên.</p> <p>2. Thực hiện các nhiệm vụ theo các kế hoạch đã giao của UBND tỉnh, của UBND huyện đã ban hành</p> <p>3. Tiếp tục duy trì phần mềm phòng họp không giấy tờ Ecabinet để gửi nhận văn bản trong các cuộc họp của huyện.</p>	Các cơ quan, đơn vị;UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hoá và TT	Thường xuyên
6.2	Triển khai Hệ thống thông tin báo cáo; từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ ra quyết định.		Văn phòng HĐND&UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị;UBND các xã, thị trấn	Quý I, II
6.3	Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, cung cấp dịch vụ công, tăng cường phát triển dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.		Văn phòng HĐND&UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị;UBND các xã, thị trấn	Năm 2024

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ/mục tiêu chi tiết	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
6.4	Rà soát tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, Chuẩn hóa, số hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính cấp xã, cấp huyện		Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Phòng Nội vụ	Năm 2024
6.6	Tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử thông qua các tính năng tương tác của mạng xã hội.	Duy trì cung cấp thông tin, trả lời hỏi đáp trực tuyến trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.	Văn phòng HĐND&UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Năm 2024
6.7	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý GIS với đa dạng dữ liệu, lớp thông tin phục vụ quản lý, phát triển kinh tế xã hội của huyện		Phòng Kinh tế-HT	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Quý II, III/2024
6.8	Phát triển trang thông tin điện tử cho UBND các xã, thị trấn phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp		Phòng Văn hoá và TT	UBND các xã, thị trấn; các đơn vị liên quan	Quý II, III/2024
<b>III</b>	<b>Phát triển kinh tế số</b>				
1	Phối hợp tổ chức các chương trình, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.		Phòng Kinh tế-HT	Các cơ quan, đơn vị liên quan; Các doanh nghiệp trên địa bàn	Năm 2024

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ/mục tiêu chi tiết	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Phối hợp tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại điện tử đa dạng để tạo sức lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp; tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các doanh nghiệp sản xuất theo từng ngành hàng để tạo thêm các chuỗi liên kết mới; hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử dành cho hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa:		Phòng Kinh tế-HT	Các cơ quan, đơn vị; Các doanh nghiệp trên địa bàn.	Năm 2024
3	Hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển hạ tầng, giải pháp giao dịch điện tử thanh toán trong thương mại và dịch vụ công; chú trọng phát triển các tiện ích thanh toán trên nền tảng di động, ví điện tử, mã QR code, NFC, POS...; đảm bảo an toàn thanh toán để góp phần thúc đẩy thanh toán điện tử trong giao dịch thương mại điện tử		Phòng Kinh tế-HT	Các cơ quan, đơn vị; Các doanh nghiệp trên địa bàn.	Năm 2024
4	Bưu điện huyện thúc đẩy việc áp dụng nhanh chóng nền tảng mã địa chỉ bưu chính VPostcode trong hoạt động thương mại điện tử.		Bưu điện huyện	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2024
<b>IV</b>	<b>Phát triển xã hội số</b>				

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ/mục tiêu chi tiết	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Thúc đẩy phát triển không ngừng tiền mặt trên địa bàn huyện. Trước tiên là nêu cao tinh thần, trách nhiệm, gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước. Xây dựng các chương trình khuyến khích ứng dụng trong xã hội.	Số lượng người dân có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 60%	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Các ngân hàng trên địa bàn huyện, các cơ sở, tổ chức cá nhân có liên quan, các doanh nghiệp cung ứng dụng thanh toán điện tử	Năm 2024
2	Phát triển hệ thống truyền thanh cơ sở: nâng cấp, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật hệ thống truyền thanh cơ sở cấp huyện, cấp xã; Triển khai hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng CNTT - viễn thông, chuyển đổi số hệ thống truyền thanh cơ sở đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn thông tin theo quy định tại những địa phương đảm bảo điều kiện hạ tầng, nhân lực vận hành. Đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ vận hành trạm truyền thanh cấp xã và cụm loa truyền thanh thôn, tổ dân phố.	<p>1. Đầu tư mới hệ thống truyền thanh IP thông minh thế hệ mới cho các xã, thị trấn:</p> <p>2. Đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ vận hành trạm truyền thanh cấp xã và cụm loa truyền thanh thôn, tổ dân phố.</p>	Trung tâm VH, TT-TT	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn	<p>Năm 2024</p> <p>Quý I - IV</p>



STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ/mục tiêu chi tiết	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
3	Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ: dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế thông minh, giáo dục thông minh, giao thông thông minh, thông tin việc làm, các tiện ích của thương mại điện tử và phát triển kinh tế, mang lại sự hài lòng cho người dân thông qua hoạt động chuyển đổi số.		Các cơ quan đơn vị liên quan; Trung tâm VH, TT-TT	các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn	Thường xuyên
4	Triển khai định danh và xác thực điện tử, danh tính số để hình thành công dân số.	Tuyên truyền, thúc đẩy người dân thiết lập lại tài khoản VNeID, đặc biệt là định danh mức độ 2	Công an huyện	Phòng VH TT, UBND các xã, thị trấn	Thường xuyên
5	Xây dựng và triển khai kế hoạch đưa Đoàn viên thanh niên trở thành lực lượng tiên phong trong Chuyển đổi số.	Tổ chức tập huấn cho Tổ Công nghệ số cộng đồng	Huyện Đoàn	Phòng VH TT, UBND các xã, thị trấn	Quý I/2024
<b>V</b>	<b>Chuyển đổi số một số lĩnh vực trọng điểm</b>				
1	Thí điểm chuyển đổi số toàn diện tại xã Bảo Hà	1. Xây dựng kế hoạch	UBND xã Bảo Hà, Phòng Văn hoá và TT	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Quý I

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ/mục tiêu chi tiết	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
		2. Triển khai thực hiện	UBND xã Bảo Hà, Phòng Văn hoá và TT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý II, III, IV

**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢI THIỆN CHỈ SỐ DTI HUYỆN BẢO YÊN NĂM 2024**  
(Kèm theo Kế hoạch số -KH/BCĐ ngày /02/2024 của BCĐ chuyển đổi số huyện Bảo Yên)

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phân công cơ quan thực hiện
<b>1</b>	<b>Nhận thức số</b>	<b>100</b>			<b>Phòng VHTT</b>
1.1	Người đứng đầu Huyện/thị xã/thành phố (Bí thư/Chủ tịch Huyện/thị xã/thành phố) là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số của Huyện/thị xã/thành phố	20	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trưởng ban là Bí thư/Chủ tịch UBND: Điểm tối đa.</li> <li>- Trưởng ban là Phó Bí thư/Phó Chủ tịch Huyện/thị xã/thành phố: 1/2*Điểm tối đa.</li> <li>- Chưa có Ban chỉ đạo hoặc có nhưng Trưởng ban không phải Lãnh đạo huyện: 0 điểm.</li> </ul>	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo Chuyển đổi số	<b>Phòng VHTT</b>
1.2	Bí thư/Chủ tịch Huyện/thị xã/thành phố chủ trì các cuộc họp về CDS của Huyện/thị xã/thành phố	20	<ul style="list-style-type: none"> <li>a = Số cuộc họp CDS của Huyện/thị xã/thành phố có Bí thư/Chủ tịch Huyện/thị xã/thành phố chủ trì.</li> <li>b = Tổng số cuộc họp CDS của huyện.</li> <li>- Tỷ lệ = a/b.</li> <li>- Điểm= Tỷ lệ*Điểm tối đa.</li> </ul>	Kế hoạch, giấy mời họp hoặc văn bản liên quan	<b>Phòng VHTT</b>

1.3	Cổng/Trang thông tin điện tử của Huyện/thị xã/thành phố có chuyên mục riêng về CDS	20	<p>Đã có chuyên mục và số lượng tin, bài về Chuyển đổi số trong năm đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 20 trở lên: điểm tối đa.</li> <li>- Từ 10 đến 19: 1/2 *Điểm tối đa.</li> <li>- Dưới 10: 1/4* Điểm tối đa.</li> <li>- Chưa có chuyên mục: 0 điểm.</li> </ul>	Đường dẫn	<b>Phòng VHTT</b>
1.4	Tham gia tuyên truyền về CDS trên các phương tiện thông tin đại chúng	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bài được đăng trên các báo chí Trung ương, Báo, Đài PT-HT tỉnh, Cổng Chuyển đổi số tỉnh: Điểm tối đa.</li> <li>- Không tham gia: 0 điểm.</li> </ul>	Đường dẫn	<b>Phòng VHTT</b>
1.5	Cử giảng viên, báo cáo viên là thành viên Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số cấp huyện hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến kinh nghiệm, kỹ năng về Chuyển đổi số	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử giảng viên, báo cáo viên: Điểm tối đa.</li> <li>- Không tham gia: 0 điểm.</li> </ul>	Kế hoạch hoặc văn bản cử giảng viên, báo cáo viên của đơn vị tổ chức (Hình thức: các hình thức hội nghị/hội thảo; Quy mô, đối tượng: cấp huyện, xã, tổ công nghệ số cộng đồng, doanh nghiệp...)	<b>Phòng VHTT</b>
1.6	Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về CDS	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã có: Điểm tối đa.</li> <li>- Chưa có: 0 điểm.</li> </ul>	Kế hoạch, quyết định hoặc các văn bản liên quan	<b>Trung tâm Văn hoá TT</b>

1.7	Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về CDS	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tần suất phát sóng từ 1 lần/1 tuần: Điểm tối đa.</li> <li>- Tần suất phát sóng từ 1 tháng/1 lần đến dưới 1 lần/1 tuần: 1/2 Điểm tối đa.</li> <li>- Tần suất phát sóng dưới 1 tháng/1 lần: 0 điểm.</li> </ul>	Kế hoạch, quyết định hoặc các văn bản liên quan	<b>Trung tâm Văn hoá TT</b>
<b>2</b>	<b>Thế chế số</b>	<b>100</b>			
2.1	Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp uỷ về chuyển đổi số của Huyện/thị xã/thành phố	15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã ban hành: Điểm tối đa.</li> <li>- Chưa ban hành: 0 điểm.</li> </ul>	Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp uỷ	<b>Phòng VH TT</b>
2.2	Kế hoạch, chương trình, đề án về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số theo giai đoạn	15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã ban hành: Điểm tối đa.</li> <li>- Chưa ban hành: 0 điểm.</li> </ul>	Kế hoạch, chương trình, đề án về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số theo giai đoạn	<b>Phòng VH TT</b>
2.3	Kế hoạch, chương trình, đề án về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số cụ thể hàng năm (Nội dung đảm bảo các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển CQS, KTS, XHS, HTS, NLS, ATTT)	20	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã ban hành: Điểm tối đa.</li> <li>- Chưa ban hành: 0 điểm.</li> </ul>	Kế hoạch, chương trình, đề án về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số cụ thể hàng năm	<b>Phòng VH TT</b>

2.4	Quy chế hoạt động, vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh	15	a= Số lượng hệ thống thông tin có quy chế hoạt động b=Số lượng hệ thống thông tin -Tỷ lệ=a/b. - Điểm=Tỷ lệ*Điểm tối đa.	Các văn bản quy chế vận hành, quản lý	<b>Phòng VHTT</b>
2.5	Quy chế hoạt động, vận hành các hệ thống thông tin dùng riêng	15	a= Số lượng hệ thống thông tin có quy chế hoạt động b=Số lượng hệ thống thông tin -Tỷ lệ=a/b. - Điểm=Tỷ lệ*Điểm tối đa.	Các văn bản quy chế vận hành, quản lý	<b>Phòng VHTT</b>
2.6	Sáng kiến khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT	10	- Ban hành sáng kiến mới của huyện: Điểm tối đa. - Triển khai thực hiện chính sách của tỉnh: 5 điểm. - Không thực hiện hoặc chưa ban hành: 0 điểm.	Các văn bản liên quan	<b>Phòng Nội vụ theo dõi</b>
2.7	Sáng kiến khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi số	10	- Ban hành sáng kiến mới của huyện: Điểm tối đa. - Triển khai thực hiện chính sách của tỉnh: 5 điểm. - Không thực hiện hoặc chưa ban hành: 0 điểm.	Các văn bản liên quan	Các phòng ban, đơn vị
<b>3</b>	<b>Hạ tầng số</b>	<b>100</b>			

3.1	Tỷ lệ cán bộ, công chức được cấp máy tính phục vụ công việc	10	<p>a = Số lượng máy tính tại các cơ quan, đơn vị hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố</p> <p>b = Tổng số cán bộ, công chức thuộc các cơ quan, đơn vị hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa.</p>	Báo cáo danh sách chi tiết từng đơn vị hoặc văn bản liên quan	<b>Phòng VHTT; Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn</b>
3.2	Tỷ lệ máy tính có kết nối Internet băng rộng	5	<p>a = Số lượng máy tính tại các cơ quan, đơn vị hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố có kết nối Internet băng rộng</p> <p>b = Số lượng máy tính tại các cơ quan, đơn vị hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa.</p> <p>Ghi chú: trừ máy tính soạn thảo văn bản mật và máy tính kết nối mạng dùng riêng không được phép kết nối theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	Báo cáo danh sách chi tiết từng đơn vị hoặc văn bản liên quan	<b>Phòng VHTT</b>

3.3	Tỷ lệ Hệ thống thông tin dùng riêng triển khai trên hạ tầng Trung tâm dữ liệu của tỉnh (Khối CQ, Khối Đảng)	5	a= Số lượng Hệ thống thông tin dùng riêng triển khai trên hạ tầng Trung tâm dữ liệu của tỉnh (Khối CQ, Khối Đảng) b= Số lượng Hệ thống thông tin dùng riêng của huyện -Tỷ lệ= $a/b$ . - Điểm=Tỷ lệ*Điểm tối đa.	Báo cáo của UBND cấp huyện	<b>Phòng VHTT</b>
3.4	Tỷ lệ triển khai các nền tảng số dùng chung của tỉnh	5	a= Số lượng các nền tảng số dùng chung của tỉnh được triển khai tại đơn vị b= Số lượng các nền tảng số dùng chung của tỉnh -Tỷ lệ= $a/b$ . - Điểm=Tỷ lệ*Điểm tối đa.	Báo cáo của UBND cấp huyện	<b>Phòng VHTT</b>
3.5	Số thuê bao băng rộng di động/100 dân	5	a = Số lượng thuê bao băng rộng di động trên địa bàn b = Tổng dân số của huyện - Tỷ lệ= $a/b$ . - Điểm=Tỷ lệ*Điểm tối đa.	UBND huyện khảo sát từ các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện	<b>Phòng VHTT</b>
3.6	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	5	a = Số lượng người dân trưởng thành có điện thoại thông minh b = Tổng dân số trưởng thành của huyện - Tỷ lệ= $a/b$ . - Tỷ lệ $\geq 95\%$ : Điểm tối đa.	UBND huyện khảo sát từ các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện	<b>Phòng VHTT</b>



			- Tỷ lệ < 95%: Tỷ lệ/100% *Điểm tối đa.		
3.7	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet (băng rộng cáp quang)	10	<p>a = Số lượng hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang</p> <p>b = Tổng số hộ gia đình của huyện/thị xã/thành phố</p> <p>- Tỷ lệ = a/b.</p> <p>- Tỷ lệ ≥ 80%: Điểm tối đa.</p> <p>- Tỷ lệ &lt; 80%: Tỷ lệ/100% *Điểm tối đa.</p>	UBND huyện khảo sát từ các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện	<b>Phòng VHTT</b>
3.8	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố phủ sóng di động băng rộng	10	<p>a = Số lượng thôn, tổ dân phố được phủ sóng băng rộng di động</p> <p>b= Số lượng thôn, tổ dân phố của cấp huyện</p> <p>- Tỷ lệ = a/b.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	UBND huyện khảo sát từ các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện	<b>Phòng VHTT</b>
3.9	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố có hạ tầng mạng băng rộng cố định (cáp quang FTTH)	10	<p>a = Số lượng thôn, tổ dân phố được phủ sóng băng rộng cố định</p> <p>b= Số lượng thôn, tổ dân phố của cấp huyện</p> <p>- Tỷ lệ = a/b.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	UBND huyện khảo sát từ các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện	<b>Phòng VHTT</b>

3.10	Tỷ lệ dùng chung vị trí BTS	5	<p>a = Số lượng BTS trên địa bàn dùng chung hạ tầng</p> <p>b= Tổng số BTS trên địa bàn</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	UBND huyện khảo sát từ các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện	<b>Phòng VHTT ĐV phối hợp: VNPT, Viettel Bảo Yên</b>
3.11	Tỷ lệ dùng chung cột treo cáp	5	<p>a = Số lượng cột treo cáp dùng chung trên địa bàn</p> <p>b= Số lượng cột treo cáp trên địa bàn</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	UBND huyện khảo sát từ các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện	<b>Phòng VHTT ĐV phối hợp: VNPT, Viettel Bảo Yên</b>
3.12	Tỷ lệ dùng chung cống bể cáp	5	<p>a = Số lượng cống bể cáp viễn thông dùng chung trên địa bàn</p> <p>b = Số lượng cống bể cáp viễn thông trên địa bàn</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	UBND huyện khảo sát từ các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện	<b>Phòng VHTT ĐV phối hợp: VNPT, Viettel Bảo Yên</b>
3.13	Tỷ lệ đài truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.	5	<p>- a = Số lượng đài truyền thanh cơ sở cấp xã trên địa bàn ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông</p> <p>- b= Số lượng đài truyền thanh cơ sở cấp xã trên địa bàn</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	Báo cáo của UBND cấp huyện	<b>Phòng VHTT ĐV phối hợp: Trung tâm Văn hoá TTTT</b>

3.14	Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng	5	<p>a = Số lượng UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng  b= Số lượng UBND cấp xã trên địa bàn</p> <p>- Tỷ lệ = a/b.  - Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	Báo cáo của UBND cấp huyện	<b>Phòng VHTT ĐV phối hợp: VNPT, Viettel Bảo Yên</b>
3.15	Hệ thống Wifi công cộng miễn phí phục vụ nhu cầu của người dân và du khách tại các điểm công cộng (điểm di tích, du lịch, quảng trường, trung tâm hội nghị, chợ trung tâm, bộ phận một cửa cấp huyện).	5	Mỗi điểm công cộng triển khai Wifi miễn phí được tính 0.5 điểm, số điểm không quá điểm tối đa.	Báo cáo của UBND cấp huyện (kèm văn bản công bố điểm Wifi)	<b>Phòng VHTT ĐV phối hợp: VNPT, Viettel Bảo Yên</b>
3.16	Camera giám sát có kết nối tập trung phục vụ mục đích công cộng có kết nối tập trung nhằm bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội.	5	<p>Số lượng camera giám sát kết nối tập trung. Tính theo phương pháp Min-Max. Địa phương có số lượng nhiều nhất điểm tối đa và giảm dần 0.5 điểm</p> <p><i>*Ghi chú:</i>  Số lượng camera giám sát được kết nối tập trung được tính bằng tổng số camera giám sát trên địa bàn được đầu tư bằng các nguồn được kết nối đến trung tâm giám sát của địa phương.</p>	Báo cáo của UBND cấp huyện đính kèm tài liệu kiểm chứng trích xuất từ hệ thống quản lý tập trung	<b>Phòng Kinh tế Hạ tầng</b>

<b>4</b>	<b>Nhân lực số</b>	<b>100</b>			
4.1	Phòng VHTT có chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã kiện toàn chức năng, nhiệm vụ trong đó bổ sung nhiệm vụ về Chuyển đổi số: Điểm tối đa.</li> <li>- Không có chức năng, nhiệm vụ: không có điểm.</li> </ul>	Quyết định kiện toàn chức năng, nhiệm vụ	<b>Phòng VHTT</b>
4.2	Có công chức chuyên trách về chuyển đổi số thuộc phòng VHTT cấp huyện	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có cán bộ có bằng cấp chuyên môn (CNTT, ĐTVT, Tin học ...), đơn vị có phê duyệt vị trí việc làm về CDS: điểm tối đa.</li> <li>- Không có: 0 điểm.</li> </ul>	Quyết định phê duyệt vị trí việc làm; Văn bản giao nhiệm vụ chuyên trách về CDS; Bằng cấp cán bộ	<b>Phòng VHTT</b>
4.3	Tỷ lệ công chức, viên chức được giao chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số	10	<p>a = Tổng số công chức, viên chức được giao chuyên trách, kiêm nhiệm tại các cơ quan, đơn vị hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố</p> <p>b = Tổng số các cơ quan, đơn vị hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ=a/b.</li> <li>- Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa.</li> </ul> <p>Ghi chú: (i) Cán bộ chuyên trách là cán bộ có bằng cấp chuyên môn về CNTT, ĐTVT, đơn vị có phê duyệt vị trí việc làm về CDS. (ii) Cán bộ kiêm nhiệm là cán bộ được giao</p>	Báo cáo số lượng của huyện; Văn bản giao nhiệm vụ chuyên trách, kiêm nhiệm về CDS	<b>Phòng VHTT</b>

			nhiệm vụ kiêm nhiệm về chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị.		
4.4	Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số	20	a= Số lượng công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số b= Tổng số công chức, viên chức - Tỷ lệ=a/b. - Điểm=Tỷ lệ*Điểm tối đa.	Kế hoạch đào tạo, văn bản cử cán bộ tham gia đào tạo hoặc các tài liệu tương đương	<b>Phòng VHTT</b>
4.5	Mức độ tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số	15	Mỗi hoạt động tự tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số quy mô cấp huyện tính 05 điểm, tổng số điểm không quá điểm tối đa.	Kế hoạch, báo cáo của đơn vị	<b>Phòng VHTT</b>
4.6	Mức độ tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số	15	Mỗi lần tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số tính 05 điểm, tổng số điểm không quá điểm tối đa.	Kế hoạch của đơn vị tổ chức, văn bản cử cán bộ tham gia của đơn vị	<b>Phòng VHTT</b>
4.7	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trên các Nền tảng Khóa học trực tuyến mở đại trà (Nền tảng MOOCs)	20	a= Số lượng cán bộ, công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng, tập huấn trên các Nền tảng Khóa học trực tuyến mở đại trà (Nền tảng MOOCs) b= Tổng số cán bộ, công chức, viên chức - Tỷ lệ=a/b. - Điểm=Tỷ lệ*Điểm tối đa.	Báo cáo của UBND cấp huyện	<b>Phòng VHTT</b>

<b>5</b>	<b>An toàn thông tin mạng</b>	<b>100</b>			
5.1	Tỷ lệ công chức, viên chức được giao chuyên trách, kiêm nhiệm về ATTT	10	<p>a = Tổng số công chức, viên chức được giao chuyên trách, kiêm nhiệm tại các cơ quan, đơn vị hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố</p> <p>b = Tổng số các cơ quan, đơn vị hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố</p> <p>- Tỷ lệ=<math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa.</p> <p>Ghi chú: (i) Cán bộ chuyên trách là cán bộ có bằng cấp chuyên môn về CNTT, ĐTVT, đơn vị có phê duyệt vị trí việc làm về ATTT. (ii) Cán bộ kiêm nhiệm là cán bộ được giao nhiệm vụ kiêm nhiệm về ATTT tại cơ quan, đơn vị.</p>	Báo cáo số lượng của huyện; Văn bản giao nhiệm vụ chuyên trách, kiêm nhiệm về ATTT	<b>Phòng VHTT</b>

5.2	Tỷ lệ công chức, viên chức được giao chuyên trách, kiêm nhiệm về ATTT được tập huấn kỹ năng ATTT	10	<p>a = Tổng số công chức, viên chức được giao chuyên trách, kiêm nhiệm tại các cơ quan, đơn vị hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố được tham gia tập huấn kỹ năng ATTT</p> <p>b = Tổng số công chức, viên chức được giao chuyên trách, kiêm nhiệm tại các cơ quan, đơn vị hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố</p> <p>- Tỷ lệ=a/b.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa.</p>	Văn bản cử cán bộ tham gia	<b>Phòng VHTT</b>
5.3	Tham gia diễn tập, ứng cứu sự cố ATTT của tỉnh tổ chức	10	<p>- Có tham gia đủ thành phần triệu tập: Điểm tối đa.</p> <p>- Có tham gia nhưng không đủ thành phần theo văn bản triệu tập: điểm = 50% điểm tối đa.</p> <p>- Không tham gia: 0 điểm.</p>	Văn bản cử cán bộ tham gia	<b>Phòng VHTT</b>
5.4	Tham gia lớp đào tạo, tập huấn ATTT của tỉnh tổ chức	10	<p>- Có cử công chức, viên chức tham gia đầy đủ, được chứng nhận đạt kết quả của khoá học: Điểm tối đa.</p> <p>- Có cử công chức, viên chức tham gia nhưng không đầy đủ hoặc không được chứng nhận đạt kết quả của khoá học: điểm = 50% điểm tối</p>	Văn bản cử cán bộ tham gia, Chứng nhận hoàn thành khoá học	<b>Phòng VHTT</b>

			<p>đa.</p> <p>- Không tham gia: 0 điểm.</p>		
5.5	Tỷ lệ công chức, viên chức được tập huấn kỹ năng ATTT	10	<p>a = Tổng số công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố được tập huấn kỹ năng ATTT</p> <p>b = Tổng số công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố</p> <p>- Tỷ lệ = a/b.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	Văn bản cử cán bộ tham gia	<b>Phòng VHTT</b>
5.6	Bố trí máy tính soạn thảo văn bản mật	10	<p>a = Số lượng cơ quan, đơn vị trực thuộc được bố trí máy tính soạn thảo văn bản mật</p> <p>b = Tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc</p> <p>- Tỷ lệ = a/b.</p> <p>- Điểm = tỷ lệ * điểm tối đa.</p>	Quyết định, biên bản giao tài sản	<b>Phòng VHTT</b>
5.7	Tỷ lệ máy tính có kết nối mạng Internet được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền.	10	<p>a = số lượng máy tính cấp cho cán bộ, công chức, viên chức</p> <p>b = số lượng máy tính cấp cho cán bộ, công chức, viên chức được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền.</p> <p>- Tỷ lệ = a/b.</p>	Hợp đồng hoặc hóa đơn cung cấp dịch vụ hoặc văn bản liên quan khác	<b>Phòng VHTT</b>



			- Điểm = tỷ lệ * điểm tối đa.		
5.8	Triển khai giải pháp giám sát ATTT đối với lớp thiết bị đầu cuối (máy tính, máy chủ) cấp huyện	5	- Có triển khai giải pháp tập trung + có kết nối với Hệ thống giám sát ATTT của tỉnh (hoặc cơ quan cấp trên): điểm tối đa. - Có triển khai giải pháp tập trung tại cơ quan, đơn vị, không kết nối với Hệ thống giám sát ATTT của tỉnh (hoặc cơ quan cấp trên): 2.5 điểm - Không triển khai: 0 điểm.	Hợp đồng hoặc hóa đơn cung cấp dịch vụ hoặc văn bản liên quan khác	<b>Phòng VHTT</b>
5.9	Triển khai giải pháp giám sát ATTT đối với lớp mạng cấp huyện	5	- Có triển khai giải pháp + có kết nối với Hệ thống giám sát ATTT của tỉnh (hoặc cơ quan cấp trên): điểm tối đa. - Có triển khai giải pháp tại cơ quan, đơn vị, không kết nối với Hệ thống giám sát ATTT của tỉnh (hoặc cơ quan cấp trên): 2.5 điểm - Không triển khai: 0 điểm.	Hợp đồng hoặc hóa đơn cung cấp dịch vụ hoặc văn bản liên quan khác	<b>Phòng VHTT</b>
5.10	Lực lượng chuyên nghiệp đánh giá định kỳ về ATTT	5	- Có lực lượng chuyên nghiệp thực hiện đánh giá định kỳ (2 lần/năm): điểm tối đa. - Có lực lượng chuyên nghiệp thực hiện đánh giá định kỳ (1 lần/năm): 50% điểm tối đa. - Không triển khai: 0 điểm.	Hợp đồng hoặc hóa đơn cung cấp dịch vụ hoặc văn bản liên quan khác	<b>Phòng VHTT</b>

5.11	Lực lượng chuyên nghiệp về giám sát, đảm bảo ATTT thường xuyên	5	- Có lực lượng chuyên nghiệp thực hiện giám sát, đảm bảo ATTT thường xuyên: điểm tối đa. - Không triển khai: 0 điểm.	Hợp đồng hoặc hóa đơn cung cấp dịch vụ hoặc văn bản liên quan khác	<b>Phòng VHTT</b>
5.12	Tỷ lệ hệ thống thông tin do huyện quản lý đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ	10	a = Số lượng HTTT được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ b = Số lượng hệ thống thông tin yêu cầu cấp độ 1 trở lên - Tỷ lệ = a/b - Điểm = tỷ lệ * điểm tối đa * Lưu ý: Khai báo không đầy đủ số lượng HTTT trừ 5 điểm trên 1 HTTT, điểm trừ không quá điểm tối đa.	Danh sách quyết định phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ ATTT	<b>Phòng VHTT</b>
<b>6</b>	<b>Hoạt động chính quyền số</b>	<b>200</b>			
6.1	Tỷ lệ DVCTT cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia	5	a= Số lượng DVCTT (toàn trình, một phần) đang cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia b= Số lượng DVCTT (toàn trình, một phần) đang cung cấp trên Cổng DVC tỉnh - Tỷ lệ=a/b. - Điểm= Tỷ lệ * Điểm tối đa		<b>Văn phòng HĐND và UBND huyện</b>

6.2	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT	5	<p>a = Số hồ sơ có đánh giá không hài lòng hoặc có phản ánh, kiến nghị về việc tiếp nhận, giải quyết hoặc giải quyết quá hạn</p> <p>b = Tổng số hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết</p> <p>- Tỷ lệ <math>= (b-a)/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>		<p><b>Văn phòng HĐND và UBND huyện chủ trì, ĐV phối hợp: Phòng Nội Vụ</b></p>
6.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được người dân, doanh nghiệp thực hiện đánh giá.	5	<p>a = Tổng số hồ sơ TTHC được người dân, doanh nghiệp thực hiện đánh giá trên Cổng DVC tỉnh, Cổng DVC Bộ, ngành</p> <p>b = Tổng số hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết</p> <p>- Tỷ lệ <math>= a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>		<p><b>Văn phòng HĐND và UBND huyện chủ trì, ĐV phối hợp: Phòng Nội Vụ</b></p>
6.4	Tỷ lệ cung cấp DVCTT (toàn trình, một phần)	5	<p>a= Số lượng DVCTT (toàn trình, một phần) đang cung cấp trên Cổng DVC tỉnh</p> <p>b= Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp thành DVCTT (toàn trình, một phần)</p> <p>- Tỷ lệ <math>= a/b</math>.</p> <p>- Điểm =</p> <p>+ Tỷ lệ = 100%: Điểm tối đa.</p> <p>+ Tỷ lệ &lt; 100%: 0 điểm.</p>		<p><b>Phòng VHTT</b></p>

6.5	Tỷ lệ DVCTT (toàn trình và một phần) có phát sinh hồ sơ trực tuyến	5	<p>a = Số lượng DVCTT (toàn trình và một phần) có phát sinh hồ sơ trực tuyến</p> <p>b = Tổng số DVCTT (toàn trình và một phần) có phát sinh hồ sơ (cả trực tuyến và không trực tuyến)</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa.</p>		<b>Văn phòng HĐND và UBND huyện</b>
6.6	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến.	5	<p>a = Tổng số TTHC có yêu cầu thu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến</p> <p>b = Tổng số TTHC có yêu cầu thu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa.</p>		<b>Văn phòng HĐND và UBND huyện</b>
6.7	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	5	<p>a = Số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia</p> <p>b = Tổng số TTHC có yêu cầu thu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính có phát sinh hồ sơ giải quyết</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa.</p>		<b>Văn phòng HĐND và UBND huyện</b>
6.8	Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến	5	<p>a = Số lượng hồ sơ được người dân, doanh nghiệp nộp trực tuyến</p> <p>b = Tổng số hồ sơ tiếp nhận của các DVCTT (toàn trình, một phần)</p>		<b>Văn phòng HĐND và UBND huyện</b>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ = a/b.</li> <li>- Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa.</li> </ul>		
6.9	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến	5	<p>a = Tổng số hồ xử lý trực tuyến b = Tổng số hồ sơ tiếp nhận của các DVCTT (toàn trình, một phần)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ = a/b.</li> <li>- Điểm =</li> <li>+ Tỷ lệ <math>\geq 80\%</math>: Điểm tối đa.</li> <li>+ Tỷ lệ <math>&lt; 80\%</math>: Điểm tối đa*(Tỷ lệ/100%)</li> </ul>		<b>Văn phòng HĐND và UBND huyện</b>
6.10	Trả kết quả trực tuyến	5	<p>a = Số kết quả giải quyết được trả trực tuyến b = Tổng số hồ sơ giải quyết (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến) trong năm của các DVCTT (toàn trình, một phần)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ = a/b.</li> <li>- Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa.</li> </ul>		<b>Văn phòng HĐND và UBND huyện</b>
6.11	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	5	<p>a = Tổng số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia. b = Tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ = a/b.</li> <li>- Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa.</li> </ul>		<b>Văn phòng HĐND và UBND huyện</b>

6.12	Tỷ lệ hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	5	<p>a = Tổng số hồ sơ TTHC thực hiện quy trình số hóa hồ sơ (bao gồm hồ sơ số hóa trong tiếp nhận trực tiếp, qua bưu chính và hồ sơ trực tuyến), kết quả giải quyết TTHC</p> <p>b = Tổng số hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa.</p>		<b>Văn phòng HĐND và UBND huyện</b>
6.13	Tỷ lệ triển khai các nền tảng số dùng chung của tỉnh	10	<p>a= Số lượng các nền tảng số dùng chung của tỉnh được triển khai tại đơn vị</p> <p>b= Số lượng các nền tảng số dùng chung của tỉnh</p> <p>-Tỷ lệ=<math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm=Tỷ lệ*Điểm tối đa.</p>	Báo cáo của UBND cấp huyện	<b>Phòng VH TT</b>
6.14	Số lượng cuộc họp của (Cấp ủy, HĐND, UBND) cấp huyện có sử dụng phần mềm, nền tảng số kết hợp không in tài liệu giấy	10	Mỗi cuộc họp của (Cấp ủy, HĐND, UBND) cấp huyện sử dụng phần mềm, nền tảng số kết hợp không in tài liệu giấy tính 02 điểm, số điểm không quá điểm tối đa.	Báo cáo của UBND cấp huyện: Số liệu cụ thể các cuộc họp, tên nền tảng số, đường dẫn	<b>Văn phòng HĐND, UBND huyện; Văn phòng HU</b>

6.15	Mức độ cung cấp thông tin của Cổng thông tin điện tử cấp huyện theo Quyết định số 4526/QĐ-HĐBT của HĐBT tỉnh Lào Cai	15	a = Tổng số tiêu chí được cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác b = Tổng số tiêu chí đánh giá khả năng cung cấp thông tin theo Quyết định số 4526/QĐ-HĐBT - Tỷ lệ = a/b. - Điểm = tỷ lệ * điểm tối đa	Báo cáo của UBND cấp huyện	<b>Phòng VHTT</b>
6.16	Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT) phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp	10	- Đã triển khai: Điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm. *Ví dụ: Zalo OA; Trang fanpage Facebook ;...	Đường dẫn	<b>Phòng VHTT</b>
6.17	Triển khai Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của cấp huyện	5	- Đã triển khai: Điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.	Báo cáo của UBND cấp huyện	
6.18	Triển khai Hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện từ cấp huyện đến cấp xã	5	- Đã triển khai: Điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.	Báo cáo của UBND cấp huyện	Phòng VHTT
6.19	Sử dụng nền tảng số dành cho đảng viên, tổ chức đảng để sinh hoạt thường kỳ, chuyên đề, học tập nghị quyết...	5	- Đã triển khai: Điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.	Báo cáo của UBND cấp huyện	

6.20	Tỷ lệ văn bản điện tử được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng	20	<p>a = Tổng số văn bản điện tử được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng</p> <p>b = Tổng số văn bản đi</p> <p>- Tỷ lệ = a/b.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa.</p> <p><i>*Ghi chú: văn bản điện tử được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng được hiểu là việc áp dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành cho tất cả các bước trong quy trình xử lý văn bản đi (mở hồ sơ công việc, trình duyệt, trình ký, ký số cá nhân, ký số tổ chức, phát hành văn bản, ...)</i></p>		Phòng VHTT
6.21	Mức độ ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ của cơ quan, đơn vị	10	<p>Mỗi dịch vụ ứng dụng chữ ký số tính 02 điểm, tổng số điểm không quá điểm tối đa.</p> <p><i>*Ví dụ:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản lý văn bản và điều hành.</li> <li>2. Dịch vụ công Kho bạc Nhà nước.</li> <li>3. Dịch vụ Thuế điện tử.</li> <li>4. Dịch vụ Bảo hiểm xã hội điện tử.</li> <li>5. Dịch vụ công.</li> </ol>	Ảnh chụp hoặc hóa đơn, biên lai... có ký số	Phòng VHTT
6.22	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên	10	a = Số lượng cán bộ, công chức,	Báo cáo của	



	chức có chữ ký số cá nhân		viên chức có chữ ký số cá nhân b = Số lượng cán bộ, công chức, viên chức - Tỷ lệ = a/b. - Điểm = tỷ lệ * điểm tối đa	UBND cấp huyện	Phòng VH TT
6.23	Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trực tuyến	10	a= Tổng số báo cáo được thực hiện trên hệ thống báo cáo của tỉnh b= Tổng số báo cáo thuộc phạm vi của đơn vị theo yêu cầu của cấp tỉnh, cấp huyện được triển khai trên hệ thống báo cáo của tỉnh Tỷ lệ=a/b. Điểm=Tỷ lệ* điểm tối đa.		Văn phòng HĐND-UBND huyện chủ trì, Các Phòng ban Chuyên môn
6.24	Hoạt động kiểm tra của cấp huyện được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	10	- Có: Điểm tối đa. - Không: 0 điểm	Tên, địa chỉ hệ thống thông tin; hoặc các văn bản hình thành qua hoạt động kiểm tra được ký số	Thanh tra huyện chủ trì, Phòng Nội vụ

6.25	Tổng chi ngân sách Nhà nước cho Chính quyền số	20	<p>a = Tổng chi Ngân sách nhà nước cho Chính quyền số (<i>cụ thể kinh phí đầu tư và kinh phí chi thường xuyên là bao nhiêu</i>), đơn vị tỷ đồng;</p> <p>b = Tổng chi ngân sách nhà nước, đơn vị tỷ đồng.</p> <p>- Tỷ lệ=<math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm: + Tỷ lệ<math>\geq 1\%</math>: Điểm tối đa. - Tỷ lệ<math>&lt; 1\%</math>: Tỷ lệ/<math>1\%</math>*Điểm tối đa.</p> <p><i>Giải thích:</i> chi cho chính quyền số là chi cho Ứng dụng CNTT phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước.</p>	Báo cáo của UBND cấp huyện, số liệu từ phòng Kế hoạch - Tài chính cấp huyện	Phòng Tài chính Kế hoạch
<b>7</b>	<b>Hoạt động kinh tế số</b>	<b>150</b>			
7.1	Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx	15	<p>a = Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận và tham gia Chương trình SMEdx trên địa bàn</p> <p>b = Tổng số doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Tỷ lệ <math>\geq 10\%</math>: điểm tối đa.</p> <p>- Tỷ lệ <math>&lt; 10\%</math>: điểm = Tỷ lệ/<math>10\%</math> * Điểm tối đa.</p> <p><i>*Ghi chú: Chương trình SMEdx là chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số theo</i></p>	Bảng tổng hợp khảo sát có chứng nhận của UBND cấp huyện hoặc tài liệu liên quan	Phòng Tài chính Kế hoạch

			<i>quyết định số 377/QĐ-BTTTT ngày 26/3/2021 triển khai trên toàn quốc</i>		
7.2	Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng nền tảng số	10	<p>a = Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng nền tảng số trên địa bàn</p> <p>b = Tổng số doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn</p> <p>- Tỷ lệ = a/b.</p> <p>- Tỷ lệ <math>\geq 50\%</math>: điểm tối đa.</p> <p>- Tỷ lệ <math>&lt; 50\%</math>: điểm = Tỷ lệ/50% * Điểm tối đa.</p>	Bảng tổng hợp khảo sát có chứng nhận của UBND cấp huyện hoặc tài liệu liên quan	Phòng Tài chính Kế hoạch
7.3	Tỷ lệ mô hình doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, dịch vụ.	10	<p>a = Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, dịch vụ</p> <p>b = Tổng số doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn</p> <p>- Tỷ lệ = a/b.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	Bảng tổng hợp khảo sát có chứng nhận của UBND cấp huyện hoặc tài liệu liên quan	Phòng Tài chính Kế hoạch, Phòng Nông nghiệp PTNT
7.4	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	10	<p>a = Số lượng doanh nghiệp sử dụng Hợp đồng điện tử trên địa bàn</p> <p>b = Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn</p> <p>- Tỷ lệ = a/b.</p> <p>- Tỷ lệ <math>\geq 80\%</math>: điểm tối đa.</p> <p>- Tỷ lệ <math>&lt; 80</math>: điểm = Tỷ lệ/80% * Điểm tối đa.</p>	Bảng tổng hợp khảo sát có chứng nhận của UBND cấp huyện hoặc tài liệu liên quan	Chi Cục thuế chủ trì, Phòng VHHT phối hợp

7.5	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử	10	<p>a = Số lượng doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử</p> <p>b = Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	Bảng tổng hợp khảo sát có chứng nhận của UBND cấp huyện hoặc tài liệu liên quan	Chi Cục thuế chủ trì, Phòng VH TT phối hợp
7.6	Tỷ lệ hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã sử dụng hoá đơn điện tử	10	<p>a = Số lượng hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã sử dụng hoá đơn điện tử</p> <p>b = Tổng số hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	Bảng tổng hợp khảo sát có chứng nhận của UBND cấp huyện hoặc tài liệu liên quan	Phòng TCKH, Chi Cục Thuế
7.7	Tỷ lệ doanh nghiệp có thực hiện thanh toán điện tử	10	<p>a = Số lượng doanh nghiệp thực hiện thanh toán điện tử</p> <p>b = Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	Bảng tổng hợp khảo sát có chứng nhận của UBND cấp huyện hoặc tài liệu liên quan	Phòng TCKH, Chi Cục Thuế
7.8	Tỷ lệ hộ kinh doanh nộp thuế điện tử	10	<p>a = Số lượng hộ kinh doanh nộp thuế điện tử</p> <p>b = Tổng số hộ kinh doanh</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	Bảng tổng hợp khảo sát có chứng nhận của UBND cấp huyện hoặc tài liệu liên quan	Phòng TCKH, Chi Cục Thuế

7.9	Số lượng giao dịch trên sàn thương mại điện tử	10	<p>a = Số lượng giao dịch trên sàn thương mại điện tử trên địa bàn</p> <p>b = Tổng số lượng bưu gửi chuyên phát hàng hóa qua Bưu điện Việt Nam và Viettel Post trên địa bàn</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Tỷ lệ <math>\geq 5\%</math>: điểm tối đa.</p> <p>- Tỷ lệ <math>&lt; 5\%</math>: điểm = Tỷ lệ/5% * Điểm tối đa.</p>	Báo cáo từ Bưu điện tỉnh và Bưu chính Viettel	
7.10	Tỷ lệ các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp được lên sàn thương mại điện tử	10	<p>a = Số lượng các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp được lên sàn thương mại điện tử</p> <p>b = Tổng số các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	Bảng tổng hợp khảo sát có chứng nhận của UBND cấp huyện hoặc tài liệu liên quan	Phòng TCKH, Phòng Nông nghiệp
7.11	Tỷ lệ sản phẩm OCOP được đưa lên sàn thương mại điện tử	10	<p>a = Số lượng sản phẩm OCOP được đưa lên sàn thương mại điện tử</p> <p>b = Tổng số sản phẩm OCOP</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	Bảng tổng hợp khảo sát có chứng nhận của UBND cấp huyện hoặc tài liệu liên quan	Phòng Nông nghiệp

7.12	Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, nhà hàng, khách sạn làm dịch vụ du lịch đăng tải thông tin đầy đủ trên cổng du lịch của tỉnh	10	<p>a = Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, nhà hàng, khách sạn làm dịch vụ du lịch đăng thông tin trên cổng du lịch của tỉnh</p> <p>b = Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, nhà hàng, khách sạn làm dịch vụ du lịch</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>		Phòng VHTT
7.13	Tỷ lệ địa điểm di tích, danh thắng, du lịch có thông tin trên Cổng du lịch của tỉnh	10	<p>a = Số lượng điểm di tích, danh thắng, du lịch đăng thông tin trên Cổng du lịch của tỉnh</p> <p>b = Số lượng điểm di tích, danh thắng, du lịch được công nhận trên địa bàn</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>		Phòng VHTT
7.14	Tổng kinh phí từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số	15	<p>a = Tổng kinh phí đầu tư từ NSNN cho kinh tế số (<i>tỷ đồng</i>).</p> <p>b = Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn (<i>tỷ đồng</i>).</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Tỷ lệ <math>\geq 0.1\%</math>: điểm tối đa.</p> <p>- Tỷ lệ <math>&lt; 0.1\%</math>: điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	Báo cáo số liệu từ phòng Kế hoạch - Tài chính cấp huyện	Phòng Tài chính KH
<b>8</b>	<b>Hoạt động xã hội số</b>	<b>150</b>			

8.1	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố có Tổ Công nghệ số cộng đồng	5	<p>a = Số thôn, tổ dân phố có Tổ Công nghệ số cộng đồng</p> <p>b = Tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn</p> <p>- Tỷ lệ = a/b.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	Quyết định thành lập các Tổ Công nghệ số cộng đồng	Phòng VH TT
8.2	Tỷ lệ người dân có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử	5	<p>a = Số người có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử</p> <p>b = Tổng dân số trưởng thành</p> <p>- Tỷ lệ = a/b.</p> <p>- Điểm: Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>		Công an huyện chủ trì, Phòng VH TT phối hợp
8.3	Tỷ lệ người dân kích hoạt định danh điện tử mức độ 2	5	<p>a = Số người người dân kích hoạt định danh điện tử mức độ 2</p> <p>b = Tổng số người có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử</p> <p>- Tỷ lệ = a/b.</p> <p>- Điểm: Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>		Công an huyện chủ trì, Phòng VH TT phối hợp
8.4	Tỷ lệ người dân cài đặt VNeID	5	<p>a = Tổng số người dân cài đặt VNeID</p> <p>b = Tổng số người người dân kích hoạt định danh điện tử mức độ 2</p> <p>- Tỷ lệ = a/b.</p> <p>- Điểm: Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>		Công an huyện chủ trì, Phòng VH TT phối hợp

8.5	Tỷ lệ người dân cài đặt VSSID	5	<p>a = Tổng số người dân cài đặt VSSID</p> <p>b = Tổng số người dân thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc.</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm: Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>		Bảo hiểm xã hội huyện
8.6	Tỷ lệ người dân cài đặt App Lào Cai S	5	<p>a = Tổng số người dân cài đặt App Lào Cai S</p> <p>b = Tổng số người dân có điện thoại thông minh trên địa bàn</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm: Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>		Phòng VH TT
8.7	Số lượng người dân tham gia phổ cập kỹ năng số cơ bản trên các Nền tảng Khóa học trực tuyến mở đại trà (Nền tảng MOOCs)	10	<p>a = Số lượng người dân tham gia phổ cập kỹ năng số cơ bản trên các Nền tảng Khóa học trực tuyến mở đại trà (Nền tảng MOOCs)</p> <p>b = Tổng dân số</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa vào tỷ lệ <math>a/b</math> cao nhất thì điểm tối đa và giảm dần (hệ số 1).</p>		Phòng VH TT



8.8	Số lượng người dân có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	10	<p>a = Số người dân có tài khoản giao dịch đang còn hoạt động tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác</p> <p>b = Tổng dân số trưởng thành</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm:</p> <p>+ Tỷ lệ <math>\geq 50\%</math>: Điểm tối đa.</p> <p>+ Tỷ lệ <math>&lt; 50\%</math>: (tỷ lệ/50%) * điểm tối đa.</p>		Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT, Ngân hàng Liên Việt
8.9	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số cá nhân	5	<p>a = Tổng dân số trưởng thành có chữ ký số cá nhân</p> <p>b = Tổng dân số trưởng thành</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math></p> <p>- Điểm = tỷ lệ * điểm tối đa</p>	Báo cáo của UBND cấp huyện	Phòng Văn hoá và TT tham mưu
8.10	Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số ( <i>trên tổng số hộ gia đình</i> )	10	<p>a = Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số</p> <p>b = Tổng số hộ gia đình</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>		
8.11	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định	10	<p>a = Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định</p> <p>b = Tổng số điểm phục vụ bưu</p>		

			<p>chính</p> <p>- Tỷ lệ = a/b.</p> <p>Điểm = tỷ lệ* Điểm tối đa.</p>		
8.12	Tỷ lệ dân số dùng dịch vụ công trực tuyến	10	<p>a = Số lượng người dân trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến (số tài khoản phát sinh hồ sơ trong năm)</p> <p>b = Tổng dân số trưởng thành</p> <p>- Tỷ lệ = a/b.</p> <p>- Tỷ lệ <math>\geq 30\%</math>: Điểm tối đa.</p> <p>- Tỷ lệ <math>&lt; 30\%</math>: (tỷ lệ/30%) * Điểm tối đa.</p>		
8.13	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện chuyển đổi số (tối thiểu: hệ thống quản lý văn bản; hệ thống quản lý trường học; kho học liệu số, học bạ điện tử, sổ liên lạc điện tử).	10	<p>a = Số lượng các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn.</p> <p>b = Tổng số các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông trên địa bàn.</p> <p>- Tỷ lệ = a/b.</p> <p>- Tỷ lệ <math>\geq 50\%</math>: Điểm tối đa.</p> <p>- Tỷ lệ <math>&lt; 50\%</math>: Điểm=Tỷ lệ/50% * Điểm tối đa.</p>	Báo cáo kết quả chuyển đổi số ngành giáo dục hoặc văn bản, tài liệu liên quan	<b>Phòng Giáo dục và ĐT</b>

8.14	Tỷ lệ các trường phổ thông thực hiện thanh toán trực tuyến	5	<p>a = Số lượng các trường phổ thông thực hiện thanh toán trực tuyến</p> <p>b = Số lượng các trường phổ thông trên địa bàn</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math></p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	Báo cáo kết quả chuyển đổi số ngành giáo dục hoặc văn bản, tài liệu liên quan	<b>Phòng Giáo dục và ĐT</b>
8.15	Tỷ lệ triển khai mô hình thông báo lưu trú qua phần mềm ASM tại các cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở y tế	5	<p>a = số lượng cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở y tế triển khai thông báo lưu trú qua phần mềm ASM</p> <p>b = Số lượng cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở y tế trên địa bàn</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa</p>	Báo cáo kết quả của Công an huyện	<b>Công an huyện</b>
8.16	Tỷ lệ các trạm y tế xã, trung tâm y tế, bệnh viện thực hiện thanh toán trực tuyến	5	<p>a = số lượng các trạm y tế xã, trung tâm y tế, bệnh viện đóng trên địa bàn thực hiện thanh toán trực tuyến</p> <p>b = Số lượng các trạm y tế xã, trung tâm y tế, bệnh viện đóng trên địa bàn</p> <p>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.</p>	Báo cáo kết quả chuyển đổi số ngành Y tế hoặc văn bản, tài liệu liên quan	<b>Trung tâm Y tế</b>

8.17	Tỷ lệ dân số dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa	5	<p>a = Số lượng người dân dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa</p> <p>b = Tổng dân số trên địa bàn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</li> <li>- Tỷ lệ <math>\geq 30\%</math>: Điểm tối đa.</li> <li>- Tỷ lệ <math>&lt; 30\%</math>: <math>(\text{tỷ lệ}/30\%) * \text{Điểm tối đa}</math>.</li> </ul>	Bảng tổng hợp khảo sát có chứng nhận của UBND cấp huyện hoặc tài liệu liên quan	<b>Trung tâm Y tế, Bệnh viện ĐK huyện</b>
8.18	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	5	<p>a = Số lượng người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử</p> <p>b = Tổng dân số trên địa bàn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ = <math>a/b</math>.</li> <li>- Tỷ lệ <math>\geq 90\%</math>: Điểm tối đa.</li> <li>- Tỷ lệ <math>&lt; 90\%</math>: <math>(\text{tỷ lệ}/90\%) * \text{Điểm tối đa}</math>.</li> </ul>	Bảng tổng hợp khảo sát có chứng nhận của UBND cấp huyện hoặc tài liệu liên quan	<b>Trung tâm Y tế, Bệnh viện ĐK huyện</b>
8.19	Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền	10		Văn bản, số liệu chứng minh	
a	Công bố công khai kênh tiếp nhận phản ánh	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Qua Cổng DVC: 1 điểm.</li> <li>- Qua App công dân: 1 điểm.</li> <li>- Qua phần mềm, App phản ánh hiện trường: 1 điểm.</li> </ul>		
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Qua kênh khác (sử dụng hình thức điện tử, nêu rõ loại kênh nếu có): 1</li> </ul>		

b	Tỷ lệ phản ánh được xử lý đúng hạn	3	a=Số lượng phản ánh xử lý đúng hạn b=Số lượng phản ánh - Tỷ lệ=a/b. - Điểm=Tỷ lệ * Điểm tối đa.		
c	Mức độ hài lòng với việc xử lý phản ánh	3	a=Số lượng người dân đánh giá hài lòng b=Số lượng người dân tham gia đánh giá - Tỷ lệ=a/b. - Điểm=Tỷ lệ * Điểm tối đa.		
8.20	Thanh toán trực tuyến đối với dịch vụ xã hội cơ bản	10		Văn bản, số liệu chứng minh	<b>Phòng VH TT chủ trì</b>
a	Điện	2	- Đã triển khai: Điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.		
b	Nước	2	- Đã triển khai: Điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.		
c	Viễn thông	2	- Đã triển khai: Điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.		
d	Môi trường	2	- Đã triển khai: Điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.		

e	Dịch vụ khác	2	- Dịch vụ khác (nêu rõ loại nếu có): Điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.		
8.21	Tổng kinh phí từ ngân sách nhà nước cho xã hội số	10	a = Tổng kinh phí đầu tư từ NSNN cho xã hội số ( <i>tỷ đồng</i> ). b = Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn ( <i>tỷ đồng</i> ). - Tỷ lệ = a/b. - Tỷ lệ $\geq 0.1\%$ : điểm tối đa. - Tỷ lệ $< 0.1\%$ : điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa.	Báo cáo số liệu từ phòng Kế hoạch - Tài chính cấp huyện	